

Số: 258/BC - VPĐP

BÁO CÁO

**Đề xuất chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới thuộc Chương trình
MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2020
(Nguồn vốn dự phòng trung hạn giai đoạn 2016-2020)**

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/06/2014;

Căn cứ Nghị định 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 2/12/2016 của Chính phủ quy định cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình MTQG giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã giai đoạn 2015-2020;

Căn cứ Thông tư số 15/2016/TT- BNNPTNT ngày 10/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn điều kiện và tiêu chí hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đối với hợp tác xã nông nghiệp;

Căn cứ Văn bản số 1809/BKHĐT-KTNN ngày 22/3/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn sử dụng vốn dự phòng trung hạn giai đoạn 2016-2020 của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 20/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân bổ vốn dự phòng trung hạn giai đoạn 2016-2020 thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng Nông thôn mới và văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh số 3450/UBND-NN ngày 01 tháng 08 năm 2019 về việc triển khai thực hiện nguồn vốn quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 1 của Nghị quyết số 17/NQ-HĐND.

Trên cơ sở đề xuất danh mục của các huyện Hướng Hóa, Đakrông và Chi cục Phát triển nông thôn tại các Văn bản gồm: Văn bản số 797/UBND-TH ngày 27/9/2019 của UBND huyện Đakrông, Văn bản số 788/UBND-

TCKH ngày 27/8/2019 của UBND huyện Hướng Hóa, Văn bản số 452/TTr-PTNT ngày 24/10/2019 của Chi cục Phát triển nông thôn), với các nội dung cụ thể như sau:

I. THÔNG TIN DỰ ÁN

1. **Tên dự án:** Danh mục các dự án khởi công mới năm 2020.
2. **Nhóm dự án:** Nhóm C quy mô nhỏ
3. **Chủ đầu tư:** UBND các xã
4. **Địa điểm thực hiện dự án:** Các xã thuộc các huyện: Hải Lăng, Triệu Phong, Gio Linh, Vĩnh Linh, Cam Lộ, Hướng Hóa, Đakrông và Thị xã Quảng Trị.
5. **Thời gian thực hiện:** Năm 2020

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA DỰ ÁN

1. Sự cần thiết đầu tư, các điều kiện để thực hiện đầu tư, đánh giá sự phù hợp với chương trình MTQG

a. Sự cần thiết đầu tư.

- Đối với nội dung đầu tư thực hiện Đề án thôn, bản, ấp thuộc các xã khó khăn khu vực biên giới, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định 1385/QĐ-TT ngày 21/10/2018 của Chính phủ.

Trong những năm qua, bằng các nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp của chương trình và vốn lồng ghép các chương trình, dự án từ ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương; vốn huy động đóng góp của nhân dân và các nguồn vốn khác, tỉnh Quảng Trị đã chỉ đạo thực hiện có hiệu quả chương trình MTQG, đến nay toàn tỉnh có 52/117 xã đạt chuẩn nông thôn mới, chiếm tỷ lệ 44,4%. Mặc dù, đã được quan tâm đầu tư, tuy nhiên vẫn có sự chênh lệch khá lớn về kết quả thực hiện giữa các vùng miền. Huyện Hướng Hóa tiêu chí đạt bình quân mới 11,35 tiêu chí/xã, giai đoạn 2019-2020 không có xã nào có khả năng để đăng ký đạt chuẩn (do các xã đều đạt dưới 11 tiêu chí). Huyện Đakrông chưa có xã đạt chuẩn nông thôn mới, tiêu chí bình quân mới đạt 7,5 tiêu chí/xã, xã đạt tiêu chí cao nhất mới 12 tiêu chí. Đời sống của người dân còn gặp nhiều khó khăn, phát triển sản xuất còn manh mún, thiếu hiệu quả, cơ sở hạ tầng còn thiếu và chưa đồng bộ, tỷ lệ hộ nghèo còn khá cao. Riêng đối với 10 xã thuộc Đề án có số tiêu chí đạt còn rất thấp. Vì vậy, việc đầu tư để hỗ trợ cho các địa phương này thực hiện các tiêu chí nông thôn mới thực sự cần cần thiết nhằm góp phần nâng cao đời sống của người dân và giảm khoảng cách chênh lệch về xây dựng nông thôn mới giữa các vùng miền; đồng thời đảm bảo mục tiêu của tỉnh đến năm 2020 không còn xã miền núi dưới 8 tiêu chí.

- Đối với nội dung hỗ trợ phát triển hợp tác xã

Hợp tác xã có vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ người dân tổ chức sản xuất, cung cấp các dịch vụ và liên kết tiêu thụ sản phẩm cho người nông dân, góp phần thực hiện đạt tiêu chí số 13 trong xây dựng nông thôn mới. Tuy nhiên, hiện nay, cơ sở vật chất, kết cấu rất yếu kém. Vì vậy, để tạo điều kiện cho các Hợp tác xã hoạt động hiệu quả cần có nguồn vốn để hỗ trợ cơ sở vật chất, trang thiết bị, đất đai; tăng cường đầu tư tài chính nâng cấp cơ sở hạ tầng nông thôn như giao thông nội đồng, kênh mương tưới tiêu, điện cho sản xuất; trang thiết bị, các máy móc tiên tiến phục vụ sản xuất nông nghiệp và công nghiệp chế biến nông sản góp phần nâng cao giá trị gia tăng trong chuỗi giá trị nông sản cho người nông dân, từ đó có thể giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho người nông dân.

Căn cứ vào Hướng dẫn của Thông tư số 15/2016/TT- BNNPTNT ngày 10/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT và điều kiện thực tế của địa phương, các Hợp tác xã được lựa chọn để xét hỗ trợ đáp ứng được điều kiện chung và điều kiện ưu tiên theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và PTNT. Đây là những hợp tác xã đăng ký xây dựng hợp tác xã kiểu mới giai đoạn 2018-2020.

b. Các điều kiện để thực hiện đầu tư

- Đối với các dự án hỗ trợ thôn, bản khó khăn xây dựng nông thôn mới

+ Các dự án đầu tư phải nhằm để hoàn thiện các tiêu chí chưa đạt của Bộ tiêu chí thôn, bản đặc biệt khó khăn được quy định tại Quyết định số 3040/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của UBND tỉnh).

+ Cơ cấu nguồn vốn phải đảm bảo theo quy định tại Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về xây dựng nông thôn mới đến năm 2020.

+ Danh mục các dự án phải được ưu tiên theo nhu cầu cấp thiết của người dân vùng hưởng lợi

- Đối với nguồn vốn hỗ trợ phát triển hợp tác xã

+ Đảm bảo theo đúng quy định về việc đầu tư theo Quyết định 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã giai đoạn 2015- 2020 và các điều kiện và tiêu chí hỗ trợ được nêu tại Thông tư 15/2016/TT- BNNPTNT như: Trụ sở làm việc; sân phơi, nhà kho, cửa hàng vật tư nông nghiệp; xưởng sơ chế, chế biến; công trình điện, nước sinh hoạt, chợ; công trình thủy lợi, giao thông nội đồng trong lĩnh vực trồng trọt, lâm nghiệp, diêm nghiệp; công trình kết cấu hạ tầng vùng nuôi trồng thủy, hải sản;

+ Các dự án đầu tư trên địa bàn phải phù hợp với quy hoạch và đề án xây dựng nông thôn mới của xã đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Nội dung đầu tư tập trung vào việc góp phần hỗ trợ các HTX hoàn thành các tiêu chí được quy định tại Quyết định 2299/QĐ- UBND ngày 23/8/2019 của UBND tỉnh Quảng Trị về Ban hành tiêu chí phân loại và đánh giá Hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2017- 2020;

+ Các HTX được hỗ trợ đầu tư đảm bảo nguồn vốn và cam kết đối ứng tối thiểu 20% tổng kinh phí thực hiện dự án đầu tư cơ sở hạ tầng;

+ Danh mục đầu tư phù hợp với nhu cầu thiết yếu, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của HTX và hỗ trợ, cải thiện chất lượng vùng nguyên liệu gắn với hoạt động liên doanh liên kết, tiêu thụ sản phẩm với Doanh nghiệp

c. Sự phù hợp với chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

Nguồn vốn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới được sử dụng để đầu tư các dự án trên địa bàn các xã thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới. Các danh mục dự án đầu tư đều tập trung vào việc hoàn thiện 19 tiêu chí nông thôn mới. Do đó, các danh mục dự án đều phù hợp với nội dung, mục tiêu, ý nghĩa của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và mục tiêu của tỉnh

2. Danh mục dự án

Các danh mục dự án đều thuộc dự án nhóm C quy mô nhỏ, có thể được áp dụng cơ chế đầu tư đặc thù theo quy định tại Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ, thỏa mãn các điều kiện, thuộc nội dung của các chương trình MTQG giai đoạn 2016-2020, tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng, sử dụng một phần ngân sách nhà nước, phần kinh phí còn lại do nhân dân đóng góp và các nguồn khác, có sự tham gia thực hiện và giám sát của người dân.

3. Tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn đầu tư

Tổng mức đầu tư các dự án là 41.938 triệu đồng, trong đó các dự án hỗ trợ thôn, bản xây dựng nông thôn mới là 25.448 triệu đồng, dự án hỗ trợ phát triển hợp tác xã là 16.490 triệu đồng.

Cụ thể phân theo các nguồn như sau:

- Nguồn vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ: 41.938 triệu đồng
- Vốn huy động Hợp tác xã: 3.500 triệu đồng
- Vốn huy động đóng góp của nhân dân: 1.429 triệu đồng
- Vốn khác: 650 triệu đồng

(Chi tiết danh mục theo Biểu 1, Biểu 2 đính kèm theo)

4. Các giải pháp tổ chức thực hiện

- Sau khi được thẩm định và phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án, UBND các huyện, thị xã đẩy mạnh công tác chỉ đạo các xã, hỗ trợ HTX thực hiện dự án theo đúng quy định về cam kết vốn đối ứng và tiến độ thực hiện. Tích cực vận động nhân dân tham gia thực hiện các dự án đối với những nội dung do người dân địa phương đảm nhận.

- Chỉ đạo các địa phương nghiêm túc thực hiện cơ chế đặc thù trong xây dựng nông thôn mới.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện tại các địa phương.

- UBND các huyện chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn hỗ trợ, hướng dẫn các địa phương, các HTX trong quá trình triển khai thực hiện. Định kỳ thực hiện công tác thanh, kiểm tra tiến độ và việc thực hiện các quy định của Nhà nước. Khắc phục kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện; đẩy nhanh tiến độ thực hiện và tiến độ giải ngân các dự án theo đúng quy định của Nhà nước.

- UBND các xã triển khai thực hiện các Dự án, thực hiện công tác giải ngân, thanh quyết toán công trình đảm bảo đúng các quy định của Luật Đầu tư công. Thực hiện công tác quản lý sử dụng và duy tu, bảo dưỡng công trình sau khi đưa vào sử dụng.

Trên đây là báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới sử dụng nguồn vốn dự phòng trung hạn giai đoạn 2016-2020, đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở NN&PTNT (b/c);
- CVP, PCVP;
- Lưu: VT.

KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG



Trần Văn Thu

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH SỬ DỤNG NGUỒN VỐN DỰ PHÒNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Hỗ trợ thôn, bản khó khăn xây dựng nông thôn mới)

(Kèm theo Công văn số: 258/BC-VPĐP ngày 05/12/2019 của Văn phòng điều phối NTM)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Quy mô	KH bố trí vốn năm 2020			
					Tổng mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách Nhà nước	Dân đóng góp	Vốn khác
	TỔNG				25.448	23.250	1.429	650
I	HUYỆN HƯỚNG HÓA				13.704	12.250	804	650
1	UBND xã Hướng Phùng				3.989	3.750	239	
-	Đường vào khu sản xuất thôn Hướng Phú (Km0+00 - Km0+200), (tuyến 1)	UBND xã Hướng Phùng	Thôn Hướng Phú	200 m	232	220	12	
-	Đường vào khu sản xuất thôn Hướng Phú (Km0+00 - Km0+200), (tuyến 2)	UBND xã Hướng Phùng	Thôn Hướng Phú	200 m	232	220	12	
-	Nâng cấp nhà văn hóa thôn Hướng Phú; Hạng mục: Sơn sửa, sân, mái nhà	UBND xã Hướng Phùng	Thôn Hướng Phú	200 m ²	278	250	28	
-	Đường vào khu sản xuất thôn Hướng Đại (Km0+00 - Km0+700)	UBND xã Hướng Phùng	Thôn Hướng Đại	700 m	863	820	43	
-	Nâng cấp nhà văn hóa thôn Hướng Độ; Hạng mục: Kè chắn	UBND xã Hướng Phùng	Thôn Hướng Độ	200 m ²	189	170	19	
-	Đường vào khu sản xuất thôn Hướng Độ (Km0+00 - Km0+170) (tuyến 1)	UBND xã Hướng Phùng	Thôn Hướng Độ	170 m	211	200	11	

TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Quy mô	KH bố trí vốn năm 2020			
					Tổng mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách Nhà nước	Dân đóng góp	Vốn khác
-	Đường vào khu sản xuất thôn Hướng Độ (Km0+360 - Km0+710) (tuyến 2)	UBND xã Hướng Phùng	Thôn Hướng Độ	350 m	389	370	19	
-	Đường vào khu sản xuất thôn Hướng Độ (Km0+00 - Km0+200) (tuyến 3)	UBND xã Hướng Phùng	Thôn Hướng Độ	200 m	232	220	12	
-	Nâng cấp nhà văn hóa thôn Cổ Nhồi; Hạng mục: Sơn, sửa, sân bê tông	UBND xã Hướng Phùng	Thôn Cổ Nhồi	200 m ²	278	250	28	
-	Đường vào khu sản xuất thôn Cổ Nhồi (Km0+00 - Km0+200) (tuyến 1)	UBND xã Hướng Phùng	Thôn Cổ Nhồi	200 m	232	220	12	
-	Đường vào khu sản xuất thôn Cổ Nhồi (Km0+00 - Km0+200) (tuyến 2)	UBND xã Hướng Phùng	Thôn Cổ Nhồi	200 m	232	220	12	
-	Đường vào khu sản xuất thôn Bụt Việt - Xakia (GĐ1) xã Hướng Phùng	UBND xã Hướng Phùng	Thôn Bụt Việt	600 m	621	590	31	
2	UBND xã A Dơi				2.631	2.500	131	
-	Đường nội thôn Hợp Thành	UBND xã A Dơi	Thôn Hợp Thành	650m	947	900	47	
-	Đường vào khu sản xuất thôn Tân Hải (tuyến 1)	UBND xã A Dơi	Thôn Tân Hải	450 m	842	800	42	
-	Đường vào khu sản xuất thôn Tân Hải (tuyến 2)	UBND xã A Dơi	Thôn Tân Hải	450 m	842	800	42	
3	UBND xã Thanh (10 thôn)				2.642	2.500	142	
-	Đường giao thông liên thôn từ Bản 10 đi Thôn A Ho (giai đoạn 2)	UBND xã Thanh	Bản 10	1.000 m	1.000	950	50	
-	Đường đi vào khu sản xuất A Ho - xã Thanh (giai đoạn 2)	UBND xã Thanh	Thôn A Ho	1.000 m	1.000	950	50	
-	Đường đi vào khu sản xuất thôn Ta Nua Cô - xã Thanh (giai đoạn 2)	UBND xã Thanh	Thôn Ta Nua Cô	500 m	474	450	24	
-	Nâng cấp nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Bản 8, hạng mục: Sân bê tông	UBND xã Thanh	Bản 8	120 m ²	56	50	6	2

TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Quy mô	KH bố trí vốn năm 2020			
					Tổng mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách Nhà nước	Dân đóng góp	Vốn khác
-	Nâng cấp nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Bản 10, hạng mục: Sân bê tông	UBND xã Thanh	Bản 10	120 m2	56	50	6	
-	Nâng cấp nhà sinh hoạt cộng đồng thôn A Ho hạng mục: Sân bê tông	UBND xã Thanh	Thôn A Ho	120 m2	56	50	6	
4	UBND xã Ba Tầng				2.387	2.250	137	
-	Đường vào khu sản xuất bản Măng Sông, thôn Măng Sông	UBND xã Ba Tầng	Thôn Măng Sông	L=370m; BTXM dày	663	630	33	
-	Đường vào khu sản xuất bản Cọp, thôn Măng sông	UBND xã Ba Tầng	Thôn Măng Sông	L=80m; BTXM dày	126	120	6	
-	Đường nội thôn vào Bản Vàng, thôn Vàng	UBND xã Ba Tầng	Thôn Vàng	L=160m; BTXM dày	253	240	13	
-	Đường vào khu sản xuất thôn Vàng	UBND xã Ba Tầng	Thôn Vàng	L=220m; BTXM dày	353	335	18	
-	Công trình giếng khoan cấp nước sinh hoạt thôn Vàng	UBND xã Ba Tầng	Thôn Vàng	5 cái giếng khoan	194	175	19	
-	Đường nội thôn vào Bản Hùn Bằng, thôn Xa Rô	UBND xã Ba Tầng	Thôn Xa Rô	L=400m; BTXM dày	642	610	32	
-	Công trình giếng khoan cấp nước sinh hoạt thôn Xa Rô	UBND xã Ba Tầng	Thôn Xa Rô	4 cái giếng khoan	156	140	16	
5	UBND xã Hướng Lập				2.055	1.250	155	650
-	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Tri, xã Hướng Lập	UBND xã Hướng Lập	Thôn Tri	Xây mới, 157 m2	1.055	300	105	650
-	Đường vào khu sản xuất thôn Cù Bai, xã Hướng Lập	UBND xã Hướng Lập	Thôn Cù Bai	280m	316	300	16	
-	Đường liên thôn Cù Bai - Sê Pu, xã Hướng Lập (đoạn trung tâm thôn)	UBND xã Hướng Lập			684	650	34	
II	HUYỆN ĐAKRÔNG				11.744	11.000	625	-

TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Quy mô	KH bố trí vốn năm 2020			
					Tổng mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách Nhà nước	Dân đóng góp	Vốn khác
1	UBND xã Tà Long				2.369	2.250		
-	Xây dựng đường nội thôn tại xóm mới thôn	UBND xã Tà Long	Thôn Pa Hy	Km 00 - Km 00+ 300	421	400	21	
-	Đường liên thôn Ba Ngày đi A Đu (T'Rờ)	UBND xã Tà Long	Thôn Ba Ngày, A Đu	Km 00 - Km 00+700	974	925	49	
-	Đường liên thôn Sa Ta đi A Đu (T'Rờ)	UBND xã Tà Long	Thôn Sa Ta, A Đu	Km 00 - Km 00+700	974	925	49	
2	UBND xã Ba Nang				2.457	2.250	207	-
-	Sửa chữa và nâng cấp đường thôn Bù đi thôn	UBND xã Ba Nang	Thôn Bù, thôn Ngược	300 m	790	750	40	
-	Công trình cấp nước nhỏ lẻ các thôn	UBND xã Ba Nang	Thôn Bù, Tà Mên, Trầm,	25 giếng khoan	1.667	1.500	167	
3	UBND xã A Vao				2.387	2.250	137	
-	Đường giao thông nội thôn Ro Ró 1	UBND xã A Vao	Thôn Ro Ró 1	320 m	737	700	37	
-	Đường nội thôn Tân Đi 3	UBND xã A Vao	Thôn Tân Đi 3	400 m	1.295	1.230	65	
-	Công trình cấp nước nhỏ lẻ thôn Tân Đi 1	UBND xã A Vao	Thôn Tân Đi 1	4 cái	355	320	35	
4	UBND xã A Bung				1.869	1.750	119	
-	Đường giao thông nội thôn A Luông	UBND xã A Bung	Thôn A Luông	400 m	737	700	37	
-	Công trình cấp nước nhỏ lẻ thôn Cu Tài 2	UBND xã A Bung	Thôn Cu Tài 2	4 giếng khoan	222	200	22	
-	Công trình cấp nước nhỏ lẻ thôn La Hót	UBND xã A Bung	Thôn La Hót	5 giếng khoan	278	250	28	

TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Quy mô	KH bố trí vốn năm 2020			
					Tổng mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách Nhà nước	Dân đóng góp	Vốn khác
-	Đường liên thôn từ thôn A Bung đến thôn 6,	UBND xã A Bung	Thôn A Bung, thôn 6,	400 m	632	600	32	
5	UBND xã A Ngo				2.662	2.500	162	
-	Đường giao thông khu sản xuất thôn Kỳ Ne	UBND xã A Ngo	Thôn Kỳ Ne	Km 00 - Km 00+ 700	1.053	1.000	53	
-	Đường giao thông khu sản xuất thôn Ấng Công	UBND xã A Ngo	Thôn Ấng Công	Km 00 - Km 00+ 700	1.053	1.000	53	
-	Công trình nước nhỏ lẻ các thôn	UBND xã A Ngo	Thôn A Đeng, A	5 giếng khoan	556	500	56	

Biểu 2**DANH MỤC CÔNG TRÌNH SỬ DỤNG NGUỒN VỐN DỰ PHÒNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2016-2020****(Nội dung hỗ trợ phát triển Hợp tác xã)***(Kèm theo Báo cáo số /BC - VPĐP ngày /12/2019 của Văn phòng điều phối nông thôn mới)*

TT	Tên công trình	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Quy mô	Kế hoạch bố trí vốn năm 2020			Ghi chú
					Tổng mức	Trong đó: NSNN	Vốn đối ứng HTX	
	TỔNG CỘNG				16.490	12.990	3.500	
I	HUYỆN GIO LINH				2.100	1.680	420	
1	Xây dựng và tu sửa máng thủy lợi N ₀₄ của HTX Giang Xuân Hải, xã Trung Sơn	UBND xã Trung Sơn	HTX Giang Xuân Hải	300 m	100	80	20	
2	Kênh mương thủy lợi nội đồng N13, HTX Xuân Hòa, xã Trung Hải.	UBND xã Trung Hải	HTX Xuân Hòa	600 m	500	400	100	
3	Kênh mương thủy lợi nội đồng N2-Trăm ngoài	UBND xã Gio Mỹ	HTX An Mỹ	700 m	600	480	120	
4	Kênh mương thủy lợi nội đồng N2 - Ruộng Bàu	UBND xã Gio Châu	HTX Hà Thượng	400 m	400	320	80	
5	Kênh mương Lô 2+3 - ruộng Quan, HTX Lan Đình	UBND xã Gio Phong	HTX Lan Đình	1.000 m	500	400	100	
II	HUYỆN VĨNH LINH				2.460	1.952	508	

TT	Tên công trình	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Quy mô	Kế hoạch bố trí vốn năm 2020			Ghi chú
					Tổng mức	Trong đó: NSNN	Vốn đối ứng HTX	
1	Đường trục chính giao thông nội đồng Cửa Đình – Cầu Hóp, HTX Thử Luật	UBND xã Vĩnh Thái	HTX Thử Luật	500 m	360	282	78	
2	Hệ thống đường điện hạ áp vùng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản kết hợp trồng dừa xiêm lùn HTX Thủy Trung	UBND xã Vĩnh Trung	HTX Thủy Trung	1.500 m	700	560	140	
3	Xưởng chế biến nông sản sau thu hoạch HTX nông nghiệp Tân Mỹ	UBND xã Vĩnh Giang	HTX Tân Mỹ	200 m ²	400	320	80	
4	Nâng cấp cải tạo đập chứa nước Trốc Nảy	UBND xã Vĩnh Tú	HTX Huỳnh Công Tây	2 ha	300	240	60	
5	Đường giao thông nội đồng đội 3 và đội 4, HTX Nam Sơn	UBND xã Vĩnh Sơn	HTX Nam Sơn	1000 m	700	550	150	
III	HUYỆN HẢI LĂNG				3.480	2.738	742	
1	Nhà kho và cửa hàng vật tư nông nghiệp	UBND xã Hải Vĩnh	HTX Lam Thủy	diện tích 200 m ²	500	400	100	
2	Kênh mương nội đồng N6A2 phục vụ tưới cho vùng lúa tập trung 80 ha	UBND xã Hải Ba	HTX Phương Hải	400 m	400	320	80	

TT	Tên công trình	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Quy mô	Kế hoạch bố trí vốn năm 2020			Ghi chú
					Tổng mức	Trong đó: NSNN	Vốn đối ứng HTX	
3	Bê tông hóa đường giao thông nội đồng	UBND xã Hải Quy	HTX Văn Hải	500 m	380	300	80	
4	Nâng cấp trạm bơm Kim Long 3	UBND xã Hải Quế	HTX Kim Long	65 ha lúa	300	240	60	
5	Xây dựng mới nhà kho bảo quản nông sản và sân phơi	UBND xã Hải Dương	HTX Đông Dương	108 m2 nhà kho và 300 m sân phơi	600	448	152	
6	Bê tông hóa kênh mương Đồng Vườn	UBND xã Hải Tân	HTX Văn Quỳ	500 m	500	400	100	
7	Bê tông hóa đường giao thông nội đồng	UBND xã Hải Tân	HTX Văn Quỳ	300 m	300	230	70	
8	Bê tông hóa đường giao thông nội đồng	UBND xã Hải Quy	HTX Quyết Tiến	700 m	500	400	100	
IV	HUYỆN TRIỆU PHONG				3.340	2.580	760	
1	Bê tông hóa kênh mương Bàu Phe – Đồng Đội	UBND xã Triệu Thượng	HTX Thượng Phước	600 m	550	420	130	

TT	Tên công trình	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Quy mô	Kế hoạch bố trí vốn năm 2020			Ghi chú
					Tổng mức	Trong đó: NSNN	Vốn đối ứng HTX	
2	Bê tông hóa Kênh mương nội đồng An Hưng	UBND xã Triệu Tài	HTX Nông sản sạch Triệu Phong	340 m	340	250	90	
3	Bê tông hóa Kênh mương nội đồng HTX Đạo Đầu	UBND xã Triệu Trung	HTX Đạo Đầu	450 m	320	250	70	
4	Bê tông hóa Đường giao thông nội đồng	UBND xã Triệu Đông	HTX Bích La	700 m	485	380	105	
5	Bê tông hóa đường giao thông nội đồng An Lộng	UBND xã Triệu Hòa	HTX An Lộng	300 m	300	225	75	
6	Xây dựng cơ sở giết mổ tập trung tại chợ Thuận	UBND xã Triệu Đại	HTX Đại Hào	500 m ² , 200 con gia súc và 3000 con gia cầm	470	365	105	
7	Bê tông hóa đường nội đồng HTX Hà Xá	UBND xã Triệu Ái	HTX Hà Xá	700 m	600	470	130	

TT	Tên công trình	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Quy mô	Kế hoạch bố trí vốn năm 2020			Ghi chú
					Tổng mức	Trong đó: NSNN	Vốn đối ứng HTX	
8	Kênh mương nội đồng khu vực nền Niệu và vùng mương	UBND xã Triệu Giang	HTX Phú Áng	220m	275	220	55	
V	HUYỆN CAM LỘ				2.620	2.060	560	
1	Bê tông hóa Kênh mương nội đồng	UBND xã Cam Thủy	HTX Thủy Tây	700 m	600	450	150	
2	Đường giao thông nội đồng thôn Định Xá -Trương Xá	UBND xã Cam Hiếu	HTX Hiếu Bắc	2800 m	700	560	140	
3	Đường giao thông nội đồng Thôn Bích Giang - Thạch Đầu	UBND xã Cam Hiếu	HTX Hiếu Nam	2000 m	500	400	100	
4	Nhà sơ chế, chế biến và kho bảo quản sản phẩm của HTX	UBND xã Cam Nghĩa	HTX Hồ tiêu Cù	146 m2	500	400	100	
5	Bê tông hóa đường giao thông nội đồng	UBND xã Cam An	HTX Cam An	600 m	320	250	70	
VI	THỊ XÃ QUẢNG TRỊ				450	350	100	
1	Xây dựng đoạn cuối tuyến Kênh N01, HTX Như Lệ	UBND xã Hải Lệ	Thôn Như Lệ - Tân Lệ, xã Hải Lệ (TX QT)	455 m	450	350	100	

TT	Tên công trình	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Quy mô	Kế hoạch bố trí vốn năm 2020			Ghi chú
					Tổng mức	Trong đó: NSNN	Vốn đối ứng HTX	
VII	HUYỆN HƯỚNG HÓA				1.000	800	200	
1	Hệ thống điện hạ áp phục vụ nhà máy chế biến cà phê và dây chuyền phân hữu cơ vi sinh	UBND xã Hướng Phùng	HTX cà phê hữu cơ sinh thái chân mây, Hướng Phùng	Trạm biến áp 100kVA - 22/0.4KV và đường dây hạ trạm	400	320	80	
2	Hệ thống cấp nước đầu mối phục vụ tưới tiết kiệm cho vùng sản xuất chanh leo, thơm giống lâm nghiệp, Ba kích	UBND xã Tân Hợp	HTX Tân Hợp	Phục vụ 10 ha	600	480	120	
VIII	HUYỆN ĐAKRÔNG				1.040	830	210	
1	Hệ thống điện phục vụ khu sản xuất thôn 5, xã Hải Phúc	UBND xã Hải Phúc	HTX Vanpa	1.200 m	450	360	90	
2	Hệ thống giếng khoan và bể cấp nước phục vụ sản xuất, Thôn 5, xã Hải Phúc (Bể chứa ngầm, bơm, đường ống)	UBND xã Hải Phúc	HTX Vanpa	Phục vụ 10 ha	290	230	60	
3	Hệ thống điện ra khu sản xuất thôn Xuân Lâm và Na Năm	UBND xã Triệu Nguyên	HTX Triệu Nguyên	700 m	300	240	60	